

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 04 / 07 / 2018

22851
73/100
22/5/18
Lưu



TRINITRINA®
Nitroglycerine 5mg/1.5mL

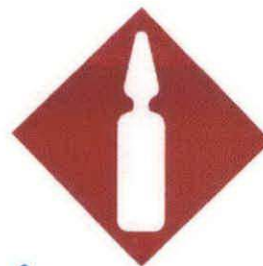
Concentrate for Solution for Infusion

Rx - Prescription Drug

TRINITRINA®

Nitroglycerine 5mg/1.5mL

Concentrate for Solution
for infusion



Nitroglycerine: 5mg
Box of 10 ampoules 1.5mL

TRINITRINA®
Nitroglycerine 5mg/1.5mL

Concentrate for Solution for Infusion

TRINITRINA®
Nitroglycerine 5mg/1.5mL

Concentrate for Solution for Infusion

TRINITRINA

Concentrate for Solution for Infusion

COMPOSITION: Each ampoule (1.5mL) contains

Nitroglycerine: 5mg

DOSAGE, INDICATION & CONTRAINDICATIONS:

As directed by the physician or see package insert for full prescribing information

STORAGE: Store below 30°C. Protect from sunlight and moisture

License holder:

ACARPIA- SERVICOS FARMACEUTICOS LDA.

Rua Dos Murcas, 88 Funchal 9000 - Portugal

Manufactured by: FISIOPHARMA S.R.L.

Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA) - Italia



Rx - Thuốc kê đơn

Dung dịch đậm đặc **TRINITRINA**

Tiêm truyền tĩnh mạch

Hộp 10 ống 1,5mL

THÀNH PHẦN: Mỗi ống 1,5mL chứa Nitroglycerine: 5mg

CHỈ ĐỊNH, LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG, ĐƯỜNG DÙNG,

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

BẢO QUẢN: Nhiệt độ dưới 30°C. Tránh ánh sáng và tránh ẩm.

Số lô SX, NSX, HD xem Lot No., Mfg. Date và Exp. Date: trên bao bì.

SDK: VN-

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Chú ý sở hữu giấy phép: ACARPIA-SERVICOS FARMACEUTICOS LDA.

Rua Dos Murcas, 88-9000 Funchal - Madeira - Bồ Đào Nha.

Sản xuất tại: **FISIOPHARMA S.R.L.**

Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA) - Ý

DNNK:

Lot No.:
Mfg. Date:
Exp. Date:



TRINITRINA Concentrate for
Solution for Infusion

Nitroglycerin: 5mg/1,5mL

ACARPIA-SERVICOS

FARMACEUTICOS LDA

Batch No.:

Mfg.

Exp.:

Thông tin thuốc dành cho cán bộ y tế

Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền TRINITRINA

Nitroglycerin: 5mg

THÀNH PHẦN: Mỗi ống (1.5mL) chứa

Hoạt chất: Nitroglycerin: 5mg

Tá dược: Ethanol, Nước pha tiêm.

DƯỢC LỰC HỌC

Glyceryl trinitrat (nitroglycerin) là một nitrat hữu cơ, khi vào trong cơ thể được chuyển hóa thành gốc oxyd nitric (NO) nhờ glutathion - S - reductase và cystein; NO kết hợp với nhóm thiol thành nitrosothiol (R- SNO), chất này hoạt hóa guanylat cyclase để chuyển guanosin triphosphat (GTP) thành guanosin 3'5' monophosphat vòng (GMPC). GMPC làm cho myosin trong các sợi cơ thành mạch không được hoạt hóa, không có khả năng kết hợp với actin nên làm giãn mạch.

Thuốc tác động chủ yếu trên hệ tĩnh mạch, với liều cao làm giãn các động mạch và tiểu động mạch. Giãn hệ tĩnh mạch làm cho ứ đọng máu ở ngoại vi và trong các phù tạng, giảm lượng máu về tim (giảm tiền gánh), hậu quả là giảm áp lực trong các buồng tim. Giãn nhẹ các tiểu động mạch dẫn đến giảm sức cản ngoại vi và áp lực thất trái trong thời gian tâm thu hậu quả là làm giảm nhu cầu oxygen trong cơ tim (giảm hậu gánh). Liều cao làm giảm huyết áp nhất là huyết áp tâm thu, tuy không nhiều nhưng có thể gây phản xạ giao cảm làm mạch hơi nhanh và tăng sức co bóp cơ tim. Các nitrat còn có tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu

Trong suy vành, giảm tiền gánh, giảm hậu gánh sẽ làm giảm công và mức tiêu thụ oxygen của cơ tim, cung và cầu về oxygen của cơ tim được cân bằng sẽ nhanh chóng cắt cơn đau thắt ngực. Thuốc cũng làm giãn động mạch vành, làm mất co thắt mạch, dùng lâu dài còn có tác dụng phân bố lại máu có lợi cho các vùng dưới nội tâm mạc và làm phát triển tuần hoàn bàng hệ

Trong suy tim, các nitrat do làm giảm lượng máu về tim đã cải thiện tiền gánh, làm giảm áp lực thất phải và áp lực tuần hoàn phổi, như vậy làm giảm các dấu hiệu ứ máu; với liều thích hợp, thuốc lại làm giảm hậu gánh, tạo điều kiện cho tim tổng máu tốt hơn, tăng thể tích tâm thu và cung lượng tim.

Dùng các nitrat lâu dài, dễ xảy ra hiện tượng "nhờn thuốc" làm mất dần tác dụng của thuốc. Người ta giải thích có thể do thiếu dự trữ - SH, do thiếu glutathion - S - reductase cần thiết để chuyển hóa các nitrat, do tăng thể tích nội mạch, do hoạt hóa các cơ chế làm co mạch đáp ứng với hiệu ứng giãn mạch của thuốc. Vì vậy trong ngày nên có một khoảng thời gian (ít nhất khoảng 8 giờ) không dùng thuốc

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu: Nitroglycerine tiêm tĩnh mạch có thể nhanh chóng đạt được nồng độ đỉnh trong huyết tương và bắt đầu các tác động điều trị.

Phân bố: Thể tích phân phối (V_d) của nitroglycerine sau khi tiêm tĩnh mạch là 3,3 l/ kg.

Ở nồng độ 50-500 ng/ ml trong huyết tương, sự liên kết giữa nitroglycerine và protein huyết tương là khoảng 60%, trong đó, 1,2 - và 1,3- dinitroglycerine (hai chất chuyển hóa chính của nitroglycerine) tương ứng là 60% và 30%.

Chuyển hóa: Hoạt chất được nhanh chóng chuyển hóa trong gan bởi enzym glutathione reductase, tạo ra các chất chuyển hóa không có tác dụng dược lý. Hơn nữa, những thử nghiệm *in vitro* được tiến hành trên hồng cầu của con người đã cho thấy rằng chính các tế bào hồng cầu là nơi chuyển dạng sinh học của nitroglycerine bằng một quá trình hoạt hóa enzym phụ thuộc sulphydryl và tương tác với nhau làm giảm hemoglobin.

Các thử nghiệm được tiến hành trên động vật đã chứng minh rằng chính các mô mạch máu ngoài gan (tĩnh mạch đùi, tĩnh mạch chủ dưới, động mạch chủ) đóng vai trò quan trọng trong chuyển hóa nitroglycerine, điều này giải thích sự giáng hóa mạnh của nitrat. Các thử nghiệm *in vitro* cũng đã quan sát thấy việc biến đổi sinh học của nitroglycerine xảy ra đồng thời với việc giãn cơ trơn máu, điều này phù hợp với lý thuyết cho rằng giãn mạch do thuốc là quá trình biến đổi nitroglycerine thành NO.

Thải trừ: Nồng độ nitroglycerine trong huyết tương nhanh chóng được thải trừ với thời gian bán hủy trung bình là 2-3 phút sau khi uống. Hệ số thanh thải (13,8 lít/ phút) vượt quá đáng kể lưu lượng máu ở gan.

CHỈ ĐỊNH

Nitroglycerin được dùng trong nhồi máu cơ tim cấp.

Tăng huyết áp kịch phát trong phẫu thuật (đặc biệt trong phẫu thuật tim mạch) dùng dạng truyền tĩnh mạch

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG

Điều trị nhồi máu cơ tim cấp: Dùng nitroglycerin là một trong số biện pháp điều trị cơ bản ban đầu ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp. Bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp có đau thắt ngực kéo dài hoặc tăng huyết áp hoặc phù phổi cấp, nitroglycerin truyền tĩnh mạch được sử dụng trong vòng 24-48 giờ đầu với liều bắt đầu từ 12,5-25 microgam/ phút, duy trì 10-20 microgam/ phút (không được để huyết áp tâm thu < 90mmHg và tần số tim > 110 lần/phút).

Người bệnh có suy thất trái (dùng nitrat phối hợp với thuốc ức chế enzyme chuyển đổi nếu bệnh nhân dung nạp tốt) hoặc tăng huyết áp nặng.

Cần dùng liều pháp liều thấp ban đầu để tránh làm giảm huyết áp quá mức (huyết áp tâm thu < 90mmHg): glyceryl trinitrat 5 microgam/phút được tăng lên từ 5 đến 20 microgam/ phút cách 5-10 phút/ 1 lần, tối đa 200 microgam/ phút cho tới khi huyết áp trung bình giảm 10% ở người huyết áp bình thường và giảm khoảng 30% ở người tăng huyết áp; tiêm truyền duy trì trong 24 giờ hoặc lâu hơn.

Khi liều 200 microgam/ phút không làm hạ huyết áp, phải ngừng truyền vì có kháng nitrat. Một liệu pháp khác phải được thay thế (như natri nitroprusside, thuốc ức chế enzyme chuyển) nếu đáp ứng thỏa đáng chưa đạt được ở liều 200 microgam/ phút. Hiệu quả của nitroglycerin thường hết sau 12 giờ sau khi ngừng truyền.

Điều trị tăng huyết áp: truyền tĩnh mạch liều 5-100microgam/ phút. Khi có đáp ứng thì giảm liều và tăng khoảng cách truyền. Tác dụng hạ huyết áp xuất hiện trong vòng 2-5 phút và duy trì khoảng 3-5 phút sau khi dừng truyền. Chỉ được phép hạ 25% trong vòng 1 giờ đầu.

Dung dịch để truyền tĩnh mạch được chuẩn bị bằng cách pha loãng nitroglycerine thích hợp theo quy định trong bảng dưới đây và truyền bằng một thiết bị tự động hoặc từng giọt một, theo chỉ dẫn trong bảng truyền (1ml tương ứng với xấp xỉ 20 giọt của dung dịch truyền bình thường).

Bảng pha loãng

Số lượng ống	1	2
Hàm lượng hoạt chất	(5 mg)	(10 mg)
Dung dịch trong mỗi ống	1.5 ml	3 ml
Dung dịch pha loãng (ml)	250	500
Thể tích cuối cùng (mL)	251.5	503
Nồng độ nitroglycerin (mg/mL) cuối cùng (đáp ứng 20 giọt của dung dịch truyền bình thường)	0.02	

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Huyết áp thấp, trụy tim mạch

Thiếu máu nặng

Tăng áp lực nội sọ do chấn thương đầu hoặc xuất huyết não

Nhồi máu cơ tim thất phải

Hẹp van động mạch chủ, bệnh cơ tim phì đại tắc nghẽn

Viêm màng ngoài tim co thắt

Dị ứng với các nitrat hữu cơ

Glocom góc đóng

Dùng kèm với các thuốc ức chế phosphodiesterase-5 (PDE-5) như sildenafil, tadalafil, vardernafil

THẬN TRỌNG

Thuốc này phải được sử dụng hết sức thận trọng cho những bệnh nhân bị chấn thương sọ não và xuất huyết não.

Điều trị với nitroglycerine bằng truyền tĩnh mạch chỉ được sử dụng trong bệnh viện, theo dõi huyết áp, nhịp tim và tình trạng lâm sàng của bệnh nhân. Những bệnh nhân nặng đòi hỏi theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm (central venous pressure) và/ hoặc áp lực động mạch phổi, cung lượng tim và điện tâm đồ (ECG).

1.5ml dung dịch đậm đặc Trinitrina có chứa 0,82ml ethanol (cồn), tương đương khoảng 647mg ethanol, tương đương với khoảng 13ml bia (5%) hoặc 5.4ml rượu (12%)

Nguy hại cho những bệnh nhân mắc chứng nghiện rượu.

Cần thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú, trẻ em và những bệnh nhân có nguy cơ cao như bệnh nhân mắc bệnh gan hoặc mắc chứng động kinh.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Ethanol có thể chặn quá trình trao đổi chất, từ đó tăng cường tác động của nitroglycerine. Các thuốc giãn mạch, thuốc hạ huyết áp và thuốc lợi tiểu có thể làm tăng tác dụng hạ huyết áp của nitroglycerine. Tác dụng giãn mạch ngoại vi của nitroglycerine bị cản trở nếu sử dụng đồng thời với indomethacin, có thể qua cơ chế ức chế prostaglandin. Sử dụng nitroglycerine tiêm tĩnh mạch làm giảm tác dụng tan huyết khối của alteplase và những tác động chống đông máu của heparin. Sildenafil làm tăng tác dụng hạ huyết áp của nitrat, vì có tác dụng hiệp đồng với nitrat hữu cơ (ví dụ như nitroglycerine) nên chống chỉ định.

Tương tác với các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm

Nitrat có thể ảnh hưởng đến phép đo màu của xét nghiệm Zlatkis/ Zak vì cho ra một kết quả sai với mức cholesterol thấp trong huyết tương.

KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC.

Mặc dù không chắc rằng một bệnh nhân sử dụng Trinitrina hoặc là sẽ lái xe hoặc sử dụng máy móc; nhưng do một số tác dụng phụ (hạ huyết áp tư thế, buồn nôn, chóng mặt), thuốc có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng lái xe hoặc sử dụng máy móc. Những tác dụng không mong muốn có thể làm chậm đi các phản xạ của bệnh nhân.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Không nên dùng trinitrina đậm đặc để pha các dung dịch truyền trong thời kỳ mang thai, đặc biệt là trong ba tháng đầu của thai kỳ, trừ khi thực sự cần thiết.

Không xác định được chắc chắn liệu nitroglycerine có được bài tiết qua sữa mẹ không. Vì không thể loại trừ khả năng này, nên cần đặc biệt thận trọng khi chỉ định nitroglycerine cho bệnh nhân đang cho con bú.

TÁC DỤNG PHỤ

Nhức đầu cấp tính và dai dẳng do giãn mạch máu não có thể xảy ra ngay sau khi sử dụng nitroglycerine.

Chóng mặt, lú lẫn, suy nhược, tăng nhịp tim và các dấu hiệu tụt huyết áp, như buồn nôn, nôn, toát mồ hôi, xanh xao và ngất xỉu thường liên quan đến việc dùng thuốc quá liều. Nitroglycerine có thể hiếm khi gây nhịp tim chậm và các dấu hiệu của tăng đối giao cảm. Hơn nữa, đỏ da và viêm da tróc vảy có thể được quan sát thấy ở những bệnh nhân được điều trị với nitrat.

Những trường hợp hiếm hoi của methemoglobin huyết có thể nhanh chóng loại bỏ bằng cách giảm tốc độ truyền và dùng xanh methylene đã được báo cáo.

1.7
HUY
PH
HAT
3-

Những tác dụng không mong muốn, ví dụ nóng bừng, nhức đầu và hạ huyết áp tư thế, có thể là một giới hạn, đặc biệt là trong những giai đoạn đầu của điều trị, khi đau thắt ngực nặng hoặc khi những bệnh nhân quá nhạy cảm với những tác dụng của nitrat. Đau đầu thường xảy ra trong khi điều trị.

Báo cáo tác dụng phụ được liệt kê dưới đây được xếp loại theo hệ thống.

- Các rối loạn ở máu và hệ bạch huyết

Hiếm: methemoglobin huyết

- Rối loạn hệ thần kinh: chóng mặt, nhức đầu

- Rối loạn nhãn khoa: mờ mắt

- Rối loạn tim mạch: nhịp tim nhanh, đánh trống ngực, nhịp tim chậm nghịch lý, ngất

- Rối loạn mạch máu: hạ huyết áp tư thế

- Rối loạn tiêu hóa: buồn nôn, khó tiêu

- Rối loạn da và mô dưới da: phát ban

- Rối loạn thông thường và thay đổi tại nơi truyền

Rối loạn thông thường: nóng bừng mặt với phát ban, suy nhược và đổ mồ hôi.

Rất hiếm: tím tái

Thay đổi tại nơi truyền: cảm giác như bị đốt và phát ban.

Methemoglobin huyết có liên quan đến điều trị kéo dài và liều cao.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ khi dùng thuốc.

QUÁ LIỀU

Các dấu hiệu và triệu chứng bị gây ra đặc biệt là do tăng cường giãn mạch và methemoglobin huyết. Triệu chứng: hạ huyết áp và nhịp tim nhanh phản xạ, da lạnh nhợt nhạt, nhức đầu, chóng mặt, lú lẫn, rối loạn thị giác, buồn nôn và nôn mửa kèm đau bụng, giống như đau bụng khi tiêu chảy, đánh trống ngực, ngất và suy tim - tuần hoàn.

Các triệu chứng liên quan với huyết áp tổng quát thấp nghiêm trọng đòi hỏi phải giảm tốc độ truyền ngay lập tức, đồng thời, bệnh nhân bị ngộ độc phải được đặt ở tư thế Trendelenburg (kéo căng ra theo cử động leo thụ động) và truyền dịch tĩnh mạch. Sử dụng các chất chủ vận alpha- adrenergic (tức là methoxamine hoặc phenylephrin), nếu cần thiết. Adrenalin và các chất tương tự không hiệu quả đáng kể trên dấu hiệu hạ huyết áp liên quan đến quá liều.

Điều trị tím tái do methemoglobin huyết: bắt đầu khi nồng độ methemoglobin 0,8 g/100 ml, dự kiến điều trị bằng tiêm tĩnh mạch với xanh methylene 1% (1-2 mg/ kg). Một liều 50 mg/ kg nên được dùng qua đường uống trong trường hợp ít nghiêm trọng. Việc điều trị nên được tiến hành ở một trung tâm chuyên môn.

BẢO QUẢN:

Bảo quản dưới 30°C. Tránh ánh sáng và tránh ẩm

TIÊU CHUẨN: Nhà sản xuất

HẠN DÙNG: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Thuốc nên được tiêm truyền ngay sau khi pha.

ĐÓNG GÓI: Hộp của 10 ống x 1.5mL

- *Để xa tầm tay trẻ em.*
- *Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*
- *Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.*
- Thuốc này chỉ được dùng theo sự kê toa của bác sĩ.

Sản xuất bởi: FISIOPHARMA S.R.L

Nucleo Industriale – 84020 Palomonte (SA)- Ý

Chủ sở hữu giấy phép: ACARPIA-SERVICOS FARMACEUTICOS LDA.

Rua Dos Murcas, 88 Funchal Madeira – Bồ Đào Nha

Thông tin thuốc dành cho bệnh nhân

Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền TRINITRINA

THÀNH PHẦN: Mỗi ống (1.5mL) chứa

Nitroglycerin: 5mg

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ

Nitroglycerin được dùng trong nhồi máu cơ tim cấp.

Tăng huyết áp kịch phát trong phẫu thuật (đặc biệt trong phẫu thuật tim mạch) dùng dạng truyền tĩnh mạch

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY

Trước khi dùng thuốc, bạn nên báo với bác sĩ hoặc dược sĩ nếu:

- Bạn đang mang thai hoặc cho con bú. Bạn cần phải dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ trong trường hợp này;
- Bạn dị ứng với bất kỳ thành phần nào của thuốc Nitroglycerin
- Bạn đang dùng những thuốc khác (bao gồm thuốc được kê toa, không kê toa, thảo dược và thực phẩm chức năng);
- Bạn định dùng thuốc cho trẻ em hoặc người cao tuổi;
- Nếu bạn có tiền sử các vấn đề về tim khác (ví dụ như suy tim, tim đập mạnh, đau tim), tuyến giáp quá mức, đột quỵ hoặc các vết máu khác trong não;
- Nếu bạn bị thiếu máu, huyết áp thấp, mất nước, hoặc lượng máu thấp;
- Bạn đã bị đột quỵ, chảy máu trong não và một số bệnh lý khác;
- Bạn đang dùng avanafil, riociguat, sildenafil, tadalafil hoặc vardenafil.

DÙNG THUỐC NÀY

Thuốc này phải được sử dụng hết sức thận trọng cho những bệnh nhân bị chấn thương sọ não và xuất huyết não.

Điều trị với nitroglycerine bằng truyền tĩnh mạch chỉ được sử dụng trong bệnh viện, theo dõi huyết áp, nhịp tim và tình trạng lâm sàng của bệnh nhân. Những bệnh nhân nặng đòi hỏi theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm (central venous pressure) và/ hoặc áp lực động mạch phổi, cung lượng tim và điện tâm đồ (ECG).

NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY

Ethanol có thể chặn quá trình trao đổi chất, từ đó tăng cường tác động của nitroglycerine. Các thuốc giãn mạch, thuốc hạ huyết áp và thuốc lợi tiểu có thể làm tăng tác dụng hạ huyết áp của nitroglycerine. Tác dụng giãn mạch ngoại vi của nitroglycerine bị cản trở nếu sử dụng đồng thời với indomethacin, có thể qua cơ chế ức chế prostaglandin. Sử dụng nitroglycerine tiêm tĩnh mạch làm giảm tác dụng tan huyết khối của alteplase và những tác động chống đông máu của heparin. Sildenafil làm tăng tác dụng hạ huyết áp của nitrat, vì có tác dụng hiệp đồng với nitrat hữu cơ (ví dụ như nitroglycerine) nên chống chỉ định. Thức ăn, rượu và thuốc lá có thể tương tác với vài loại thuốc nhất định. Bạn nên tham khảo ý kiến bác sĩ về việc uống thuốc cùng thức ăn, rượu và thuốc lá.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

Các dấu hiệu và triệu chứng bị gây ra đặc biệt là do tăng cường giãn mạch và methemoglobin huyết. Triệu chứng: hạ huyết áp và nhịp tim nhanh phản xạ, da lạnh nhợt nhạt, nhức đầu, chóng mặt, lú lẫn,

rối loạn thị giác, buồn nôn và nôn mửa kèm đau bụng, giống như đau bụng khi tiêu chảy, đánh trống ngực, ngất và suy tim - tuần hoàn.

Các triệu chứng liên quan với huyết áp tổng quát thấp nghiêm trọng đòi hỏi phải giảm tốc độ truyền ngay lập tức, đồng thời, bệnh nhân bị ngộ độc phải được đặt ở tư thế Trendelenburg (kéo căng ra theo cử động leo thụ động) và truyền dịch tĩnh mạch. Sử dụng các chất chủ vận alpha- adrenergic (tức là methoxamine hoặc phenylephrin), nếu cần thiết. Adrenalin và các chất tương tự không hiệu quả đáng kể trên dấu hiệu hạ huyết áp liên quan đến quá liều.

ĐỪNG DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THỂ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG

Điều trị nhồi máu cơ tim cấp: Dùng nitroglycerin là một trong số biện pháp điều trị cơ bản ban đầu ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp. Bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp có đau thắt ngực kéo dài hoặc tăng huyết áp hoặc phù phổi cấp, nitroglycerin truyền tĩnh mạch được sử dụng trong vòng 24-48 giờ đầu với liều bắt đầu từ 12,5-25 microgam/ phút, duy trì 10-20 microgam/ phút (không được để huyết áp tâm thu < 90mmHg và tần số tim > 110 lần/phút.

Người bệnh có suy thất trái (dùng nitrat phối hợp với thuốc ức chế enzyme chuyển đổi nếu bệnh nhân dung nạp tốt) hoặc tăng huyết áp nặng.

Cần dùng liều pháp liều thấp ban đầu để tránh làm giảm huyết áp quá mức (huyết áp tâm thu < 90mmHg): glyceryl trinitrat 5 microgam/phút được tăng lên từ 5 đến 20 microgam/ phút cách 5-10 phút/ 1 lần, tối đa 200 microgam/ phút cho tới khi huyết áp trung bình giảm 10% ở người huyết áp bình thường và giảm khoảng 30% ở người tăng huyết áp; tiêm truyền duy trì trong 24 giờ hoặc lâu hơn.

Khi liều 200 microgam/ phút không làm hạ huyết

áp, phải ngừng truyền vì có kháng nitrat. Một liệu pháp khác phải được thay thế (như natri nitroprusside, thuốc ức chế enzyme chuyển) nếu đáp ứng thỏa đáng chưa đạt được ở liều 200 microgam/ phút. Hiệu quả của nitroglycerin thường hết sau 12 giờ sau khi ngừng truyền.

Điều trị tăng huyết áp: truyền tĩnh mạch liều 5-100microgam/ phút. Khi có đáp ứng thì giảm liều và tăng khoảng cách truyền. Tác dụng hạ huyết áp xuất hiện trong vòng 2-5 phút và duy trì khoảng 3-5 phút sau khi dừng truyền. Chỉ được phép hạ 25% trong vòng 1 giờ đầu.

CẦN BẢO QUẢN THUỐC NÀY NHƯ THỂ NÀO

Bảo quản ở nhiệt độ phòng, tránh ẩm, tránh ánh sáng. Không bảo quản trong phòng tắm. Không bảo quản trong ngăn đá. Mỗi loại thuốc có thể có các phương pháp bảo quản khác nhau. Đọc kỹ hướng dẫn bảo quản trên bao bì, hoặc hỏi dược sĩ. Giữ thuốc tránh xa tầm tay trẻ em và thú nuôi.

CÁC THÔNG TIN KHÁC

Những thông tin được cung cấp không thể thay thế cho lời khuyên của các chuyên viên y tế. Hãy luôn tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi quyết định dùng thuốc.

Sản xuất bởi: FISIOPHARMA S.R.L

Nucleo Industriale – 84020 Palomonte (SA)- Ý

Chủ sở hữu giấy phép:

ACARPIA-SERVICOS FARMACEUTICOS LDA.

Rua Dos Murcas, 88 Funchal Madeira – Bồ Đào Nha

